

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **17/04/2024.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Hiền**

2. Bà **Trần Thị Ngọc Hân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông **Ngô Bảo Duy** – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/03/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **PHAN THỊ CẨM T1** - sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

* Bị đơn: Anh **LÊ NGUYỄN THIỆT T** - sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang

(Bà T1 xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T1 trình bày: chị và anh Lê Nguyễn Thiệt T cưới nhau vào năm 2015, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y năm 2015. Sau khi cưới chị và anh T sống hạnh phúc

đến giữa năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu lộn xộn, vợ chồng không còn quan T đến nhau, nên chị và anh T sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Hai vợ chồng có gặp nhau nhưng cũng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 cháu tên Lê Phan Nhã Th – sinh ngày 27/01/2019 hiện cháu Th đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Nguyễn Thiện T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T1 xin vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Thiện T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T1; Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Cẩm T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phan Nhã Th – sinh ngày 27/01/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Nguyễn Thiện T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Nguyễn Thiện T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T1 có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1.

[2] Xét bị đơn anh Lê Nguyễn Thiện T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T1 là có cơ sở. Vì chị Phan Thị Cẩm T1 và anh Lê Nguyễn Thiện T cưới nhau vào năm 2015, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y số 56/2015 ngày 31/12/2015. Sau khi cưới chị T1 và anh T sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên chị T1 và anh T sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị T1, anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phan Nhã Th – sinh ngày 27/01/2019. Xét yêu cầu của chị T1 là có cơ sở vì hiện tại cháu Th đang sống với chị T1 đã ổn định cuộc sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến T lý cũng như sinh hoạt bình thường của cháu Th, đồng thời yêu cầu của chị T1 phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: chị T1 và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị T1 và anh T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: do chị T1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T1.

Chị Phan Thị Cẩm T1 được ly hôn với anh Lê Nguyễn Thiện T.

Về con chung: giao cho chị Phan Thị Cẩm T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phan Nhã Th – sinh ngày 27/01/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Nguyễn Thiện T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Nguyễn Thiện T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: chị Phan Thị Cẩm T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp theo biên lai thu số 0009138 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T1 đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Y
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh